

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HC-ST
Ngày: 22 - 4 - 2024
“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ánh Hồng
Ông Phạm Hữu Dụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà
Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HC ngày
22/01/2024, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HC ngày
26/3/2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Đặng Thị N; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh
Đắk Lắk; địa chỉ: Số A N, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có
mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban
nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024) (có đơn
xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành
phố B (có mặt).

- Ông Võ Quang H - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất
thành phố B (vắng mặt);

Địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Minh T1 - Địa chỉ: Số A N,
Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Đặng Thị N trình bày có nội dung như sau:*

Năm 1996, gia đình tôi nhận khoán chăm sóc 02 lô cà phê của công ty TNHH MTV C1, tổng diện tích đo đạc thực tế là 10.056,5 m², thuộc thửa đất số 18; 23, tờ bản đồ số 65 tại tổ dân phố H phường T, thành phố B. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020, trong thời gian nhận Hợp đồng giao khoán gia đình tôi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho công ty TNHH MTV C1.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ đã ban hành quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059 m² đất của Công ty C1 trong đó có diện tích đất nhận khoán của gia đình tôi.

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía tây Đại học B 5,4 ha) trong đó có diện tích nhận khoán của gia đình tôi. Theo nội dung Quyết định số 3102/QĐ-UBND thì gia đình tôi chỉ nhận được số tiền bồi thường về tài sản trên đất là 541.891.463 đồng. Tuy nhiên, trong Quyết định này không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất đối với gia đình tôi nên tôi làm đơn khởi kiện.

Ngày 09/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất thì gia đình tôi chỉ nhận được số tiền 19.753.875 đồng. Theo đó, hai Quyết định nêu trên đều không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất đối với gia đình tôi. Nhận thấy hai Quyết định nêu trên này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi nên tôi đã khởi kiện vụ án hành chính "Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" đến Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk.

Bản án số 02/2023/HC-ST, Ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N: Hủy một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND của UBND thành phố B và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình tôi theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4ha), thành phố B. Tuy nhiên Quyết định này có hai vấn đề gia đình chúng tôi không đồng ý:

Về giá đất làm cơ sở để hỗ trợ: Thời điểm ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 UBND thành phố B lại áp dụng Bảng tính giá đất quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 trong khi văn bản này đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày

03/7/2022 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024 là không đúng quy định pháp luật.

Hơn nữa, Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ban hành vào năm 2014, sau 09 năm giá đất trên thị trường có nhiều biến động, theo chiều hướng tăng đột biến. Đặc biệt trong năm 2021, 2022. Do đó, việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B lấy giá đất của 09 năm trước để làm cơ sở áp giá cho thời điểm hiện tại tính chi phí hỗ trợ cho gia đình tôi là không phù hợp.

Từ những nội dung đã trình bày trên. Nên tôi yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND, ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời Buộc UBND thành phố B phải áp giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình tôi theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ.

**/ Tại nội dung bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa có nội dung như sau:*

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 5.138.059 m² đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B; Trong đó giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND, ngày 11/06/2019 của Ủy ban nhân dân T về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 20/12/2020, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 199/KH-UBND thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 03/01/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường T, Tổ dân phố H, Ban Q và các hộ dân có hợp đồng nhận khoán với công ty TNHH MTV C1 tiến hành họp thông qua chủ trương, chính sách và triển khai nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ngày 27/03/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ VN phường T, Tổ dân phố H tiến hành niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường T.

Ngày 16/04/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ phường T, Tổ dân phố H tiến hành tổng hợp ý kiến của hộ dân sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại UBND phường T.

Ngày 21/04/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 25/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4341/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Ngày 09/07/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, 5,4 ha).

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B.

2. Đối với đơn khởi kiện của bà Đặng Thị N, tôi có ý kiến như sau:

a. Về nguồn gốc đất: Đất của bà Đặng Thị N sử dụng đất do nhận hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C1 theo Hợp đồng số 31Đ3/2012/HĐKT ngày 29/03/2012 với diện tích là 9.150,0 m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/3/2012 đến ngày 31/12/2020 tại thửa đất số 18; 23, tờ bản đồ số 65, phường T.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND V/v thu hồi 5.138.059,7 m² tại các phường: T, T, T, T, T, T và xã E thành phố B của Công ty TNHH MTV C1; Giao diện tích 4.240.315 m² cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật (Tại địa bàn phường T với diện tích đất là: 280.808 m²);

Căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 "*Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Đất được Nhà nước giao để quản lý*". Như vậy, diện tích đất thu hồi của bà Đặng Thị N sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV C1 quản lý, nay Nhà nước thu hồi đất thì không đủ điều kiện bồi thường về đất.

b. Về chính sách hỗ trợ:

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha). Trong đó: Bà Đặng Thị N được phê duyệt bổ sung hỗ trợ tiền: 1.372.082.700 đồng.

Ngày 20/10/2023, bà Đặng Thị N đã nhận số tiền hỗ trợ bổ sung hỗ trợ theo Quyết định số 5768/QĐ-UBND với số tiền: 1.372.082.700 đồng (kèm theo phiếu chi trả tiền bồi thường hỗ trợ).

Ngày 15/01/2024, bà Đặng Thị N có đơn khởi kiện hành chính về “Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B Thuột”. “Buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4ha), thành phố B áp dụng giá đất bồi thường theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ về ban hành bảng giá và quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 – 2024”.

Nhận thấy nội dung đơn khởi kiện của bà Đặng Thị N không có cơ sở vì UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha). Quyết định số 5768/QĐ-UBND, ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B (*phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020, tại thời điểm đó Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ vẫn còn hiệu lực*). Do đó việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND là đúng theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B, trong đó có hộ bà Đặng Thị N. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị N, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 17/01/2024, bà Đặng Thị N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B, đối với hộ bà Đặng Thị N:

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N, hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Đặng Thị N theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho hộ bà Đặng Thị N.

Tại khoản 1 Điều 156 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”*.

Mặc dù, Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 là quyết định bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 thì Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã hết hiệu lực thi hành, đã được thay thế bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 – 2024. Tuy nhiên, UBND thành phố B lại căn cứ vào giá đất tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để tính khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Đặng Thị N là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B, đối với phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ bà Đặng Thị N; Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ cho hộ bà Đặng Thị N khoản hỗ trợ đào tạo,

chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, áp dụng giá đất theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng: Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 156 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Hủy một phần Quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B, khu 5,4ha), thành phố B, đối với phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ bà Đặng Thị N.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ cho hộ bà Đặng Thị N, trong đó khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm áp dụng giá đất theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 – 2024.

[2.2]. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Bà Đặng Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Đinh Thị Tuyết

